

MỸ CẢM HIỆN SINH - TỪ VĂN HÓA ĐẾN VĂN HỌC NHẬT BẢN

NGUYỄN HỮU MINH

Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: nguyennhuuminh123@gmail.com

Tóm tắt: Trong văn hóa Nhật nói chung và văn chương Nhật nói riêng, hiện sinh không chỉ được nhìn nhận là một dạng cảm thức thuộc về triết học hiện sinh đơn thuần mà còn có thể được xem là thứ mỹ cảm độc đáo, đặc trưng. Bởi bên cạnh việc ý thức về lẽ hiện tồn của con người một cách sâu sắc, văn học Nhật Bản còn thấm đẫm tinh thần ưu nhã. Khởi nguyên từ nền văn hóa của cái đẹp, mỹ cảm hiện sinh đã tồn tại và dần phát triển để trở thành một trong những đặc tính cố hữu của nền văn học “xứ sở hoa anh đào”.

Từ khóa: Mỹ cảm hiện sinh, văn hóa Nhật Bản, văn học Nhật Bản.

1. MỞ ĐẦU

Mỹ cảm là thuật ngữ chỉ khả năng hiểu biết và cảm nhận cái đẹp. Theo nhà nghiên cứu Cao Xuân Huy, mỹ cảm là “*sự cảm thụ trực giác về sự hài hòa giữa tính nhất thể và tính đa dạng, giữa tính đồng nhất và tính dị biệt, giữa động và tĩnh, giữa sự hợp nhất và sự phân hóa*” [3, tr.378]. Đây là một trong những thuật ngữ quan trọng, thường được sử dụng trong nền văn chương nói riêng và văn hóa nói chung mang đặc trưng duy mỹ mà duy tình của Nhật Bản. Trong khi đó, nhắc đến hiện sinh là nhắc đến một dạng cảm thức, thái độ sống chú ý đến yếu tố hiện tồn và tình trạng mất định hướng, bối rối của con người khi đứng trước một thế giới có vẻ như vô nghĩa và phi lý. Hiện sinh cũng là tư tưởng lớn về nội dung được hình thành và phát triển xuyên suốt chiều dài lịch sử văn học Nhật. Bởi đây không chỉ là nền văn chương của cái đẹp mà còn là nền văn chương của sự ám ảnh trước thời gian và cuộc đời, trước bản ngã và tha nhân. Từ đó, có thể hiểu một cách cơ bản mỹ cảm hiện sinh chính là sự tri cảm về vẻ đẹp hiện sinh trong lòng vạn vật, xuất phát từ ý thức về tinh thần yêu quý cái đẹp và sự hiện hữu trong đời sống mỗi người.

2. NỘI DUNG

2.1. Tinh thần mỹ cảm trong văn hóa Nhật Bản

Nhắc đến văn hóa “xứ sở Phù Tang”, chúng ta không thể không nhắc đến tinh thần duy mỹ và duy cảm rất đặc trưng nơi đây. Đó vừa là điểm gặp gỡ độc đáo của các ngành nghệ thuật truyền thống nói chung và văn chương nói riêng; vừa là tính cách quốc hồn, quốc túy của con người Nhật Bản. Không phải chỉ đến văn chương thời hiện đại, qua những tên tuổi tiêu biểu như Ryunosuke Akutagawa (1892-1927), Kawabata Yasunari (1899-1972), Tanizaki Junichiro (1886-1965) và Yukio Mishima (1925-1970), độc giả trên khắp thế giới mới có thể biết đến và cảm nhận được mỹ cảm hiện thực huyền ảo, mỹ cảm bi ai xao xuyến, mỹ cảm hoan lạc diễm tình hay mỹ cảm bi tráng dữ dội. Bởi

tinh thần mỹ cảm trong văn hóa Nhật Bản đã bàng bạc xuyên suốt từ truyền thống cổ xưa cho đến đời sống xã hội đương đại qua nhiều góc độ: lịch sử, giáo dục, văn chương, tín ngưỡng, lối sống sinh hoạt,...

Chẳng còn gì để nghi ngại khi khẳng định Nhật Bản chính là đất nước của cái đẹp. Từ khởi thủy cho đến ngày nay, có không biết bao nhiêu cái đẹp từng được sản sinh và tồn tại trên mảnh đất này. Tất cả những vẻ đẹp ấy trong tiến trình phát triển có lúc dần rơi vào quên lãng nhưng rồi lại được khôi phục nhanh chóng và đường hoàng trở về thời kỳ hoàng kim một cách kỳ diệu. Đó là nhờ tinh thần biết yêu quý, trân trọng và tôn thờ cái đẹp vốn có của người dân. Vì thế, từ văn hóa truyền thống đến văn hóa hiện đại, từ văn hóa ngoại lai đến văn hóa nội sinh, từ văn hóa thể tục đến văn hóa tín ngưỡng; tất cả một khi từng tồn tại trên “xứ sở hoa anh đào” đều trở nên tinh tế, độc đáo mà ấn tượng khác lạ; vừa gần gũi, thân quen lại vừa được nâng lên thành các phạm trù mỹ học (aesthetics) như: Mono no aware (Vật ai), Wabi-sabi (Bất toàn), Yugen (Yêu huyền), Yume (Mộng), Okashi (Du khoái), Hakanasa (Phù du),... Thậm chí, nhiều hoạt động trong cuộc sống còn được tôn vinh thành “đạo”, thể hiện niềm tin và sự sùng bái cái đẹp của người Nhật như: Hoa đạo (Kado), Kiếm đạo (Kendo), Võ sĩ đạo (Bushido), Cung đạo (Kyudo), Hương đạo (Kodo), Trà đạo (Chado), Thư đạo (Shodo),... Đặc biệt, xuất phát từ tín ngưỡng truyền thống - Thần đạo (Shinto), vạn vật tồn tại trong cõi phù thể qua cái nhìn duy cảm của mỹ học Nhật đều trở nên hữu tâm, hữu thần và hữu mỹ từ những sự vật bé nhỏ, mộc mạc nhất như cánh bướm, giọt sương, ngọn cỏ,... cho đến những kỳ quan thiên nhiên đồ sộ, vĩ đại nhất như núi non, bầu trời, vũ trụ,...

Thật hiếm có nền văn hóa nào có thể dung hòa được những khía cạnh mâu thuẫn đến đối lập và nhìn nhận tất cả đều thuộc về cái đẹp cho bằng Nhật Bản. Ý thức về một cuộc sống ngập tràn mỹ cảm bi ai, ngắn ngủi, người Nhật vẫn có thể tận hưởng kiếp sống fuga (phong nhĩ), yoen (yêu diễm) nhẹ nhàng, thoải mái. Đương khi tôn sùng vẻ đẹp ôn hòa, tịch tĩnh, từ tốn của Hoa đạo, Hương đạo và Trà đạo; người Nhật cũng vừa đam mê vẻ đẹp mạnh mẽ, dứt khoát, nhanh nhẹn của Kiếm đạo, Cung đạo hay Võ sĩ đạo. Đôi khi, trong một số trường hợp, họ rung động trước mỹ cảm iki (tinh tế) nhưng đồng thời cũng chấp nhận sự xuất hiện của mỹ cảm yabo (thô dã). Trong nghệ thuật Hương đạo, người nghệ nhân vừa thưởng hương thơm vừa cảm nhận đến “lục quốc ngũ vị”¹. Còn trong nghệ thuật Trà đạo, người thưởng trà tùy từng giai đoạn mà có thể lần lượt cảm thụ các vị thanh, cay, mặn, đắng quyện hòa như đương trải nghiệm cuộc đời bi ai. Chính tinh thần biết yêu quý và dung hòa mọi thứ đã giúp cho văn hóa Nhật Bản có thể đứng vững và duy trì qua hai cuộc Thế chiến đầy tang thương và đau khổ. Không chỉ vậy, nhiều thành tựu ngoại lai đã được người Nhật rộng lòng tiếp nhận trên tinh thần giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống. Nhờ vậy, thế giới cái đẹp trong văn hóa Nhật Bản mỗi thời kỳ một đa dạng hơn, đồ sộ hơn và hiện đại hơn nhưng vẫn luôn đậm đà bản sắc dân tộc.

¹ Lục quốc ngũ vị (Sáu nước năm mùi): Việt Nam (đắng), Thái Lan (ngọt), Malaysia (không mùi), Bò Đào Nha (mặn), Ấn Độ (cay), Indonesia (chua).

Bên cạnh đó, tinh thần mỹ cảm không chỉ được nhìn nhận từ góc độ của khách thể cảm nhận, mà còn được tư duy trong tự thân cái đẹp. Bởi người Nhật sùng quý và tôn thờ vạn vật. Văn hóa Nhật đã cho thấy sinh mệnh con người vốn được bao bọc trong tự nhiên và được tự nhiên che chở. Chính mỹ cảm sâu sắc này không chỉ được nhìn nhận bằng ngũ quan mà còn mang tinh thần thông linh, tri cảm một cách tinh tế: lấy hồn người để hiểu hồn vật. Theo niềm tin của Thần đạo, từ thiên nhiên cho đến ngôn từ của con người đều có linh hồn. Vì vậy, “*nếu cỏ cây có hồn, gọi là kodama (mộc linh), thì ngôn từ cũng có thể hiển linh, gọi là kotodama (ngôn linh)*” [1, tr.20]. Trong tuyển tập waka *Kokinshu*, một trong những bài thơ nổi tiếng nhất – bài số 797 đã thể hiện rõ điều này: “*Iro miede/Utsurou mono wa/Yo no naka no/Hito no kokoro no/Hana ni zo arikeru*” (“*Có một thứ nhạt phai/Mà không ai nhìn thấy/Bởi sắc ngoài còn tươi/Đóa hoa vô định ấy/Là trái tim con người*”) [1, tr.44]. Bài thơ là sự giao hòa giữa “sắc” (ito), “phai” (utsurou) và “hoa” (hana) tạo nên vẻ yêu kiều, diễm ảo của dáng hình lẫn tâm hồn. Người và hoa là một, sắc vừa là cái đẹp của tự nhiên, vừa là niềm đam mê sắc tình của khách thể cảm nhận. Cuối cùng, tất cả vẻ đẹp ấy đều được cảm nhận bằng “kokoro” (tâm) và hành trình tạo tác thi ca cũng chính là con đường đi từ “kokoro” (tâm) đến “kotoba” (từ ngữ).

Nhìn trong tiến trình hình thành và phát triển của văn hóa Nhật Bản, tinh thần mỹ cảm đã có sự biến chuyển nhất định qua mỗi thời kỳ. Ngay từ những câu chuyện được đề cập trong cuốn huyền sử cổ nhất còn lưu lại của Nhật – *Kojiki* (Cổ sự ký) vào thế kỷ VII, tình yêu và sự tôn sùng về cõi phù thế đã được thể hiện qua câu chuyện về hai vị thần Izanagi và Izanami cùng sự khởi sinh “xứ sở hai Hòn Trống Mái”; qua thần thoại về nữ thần Amaterasu – thủy tổ của dòng dõi Thiên Hoàng cùng ba vật thiêng trong Thần đạo, cũng là những cổ mẫu trong văn hóa Nhật Bản: chiếc gương, chuỗi hạt và thanh gươm; hay qua câu chuyện về hai vị thượng thần Susano (thần Bão Tố) cùng người con là Yachihoko (Bát Thiên Mâu) được đánh giá là những “kẻ lang bạt cuồng ngạo” nhưng luôn dịu dàng trong tình yêu và thơ ca. Kế đến, chính sự du nhập, tiếp biến và thịnh trị của tư tưởng Phật giáo từ thời kỳ Yamato, Nara, Heian đến Kamakura và Muromachi đã giúp cho văn hóa Nhật Bản thấm thắm hương vị vô thường (mujo), niềm bi cảm (aware), vẻ tịch tĩnh (sabi) và sự dung dị của đũa (wabi). Đặc biệt, tất cả những khái niệm này đều mang trong nó nội hàm của mỹ cảm “horobi” (sự hủy diệt). Bên cạnh đó, cùng sự tiếp nhận văn hóa Trung Hoa đời Đường đã khiến cho văn hóa thời kỳ Heian phát triển rực rỡ, đậm phong vị “okashi” (du khoái) và “miyabi” (phong nhã). Kể từ đó, văn hóa Nhật Bản liên tục được khoác lên mình những tấm áo choàng mỹ cảm đặc trưng: Thời Kamakura với sự xuất hiện của ushin (hữu tâm) và yojo (dư tình) trong thơ; thời Muromachi với sự xuất hiện của shibui (tinh tế) trong thanh điệu, màu sắc, phong cách cư xử; thời Edo với sự xuất hiện và hưng thịnh phong cách “iki” (ý khí) và “sui” (gợi cảm) trong loại tiểu thuyết nhân tình, các ca khúc viết cho đàn shamisen hay tuồng rối Joruri, “sui” (túy) trong những tiểu thuyết “phù thế thảo tử” (truyện xã hội thị dân) hay “tsu” (thông) trong các tiểu thuyết đại chúng¹; thời Minh Trị với sự xuất hiện của

¹ Xin xem thêm: Suzuki Setsuko (2011). *Những khái niệm then chốt của Mỹ học Nhật Bản*, Hoàng Long dịch, 19/01/2011, tienve.org.

“kawaii” (dễ thương) trong trang phục, ẩm thực, lễ nghi hay hành vi ứng xử;... Không phải bất cứ đất nước nào cũng biết cách gọi tên và khái quát các dáng vẻ, đặc điểm của mỗi sự vật, hiện tượng thành những mỹ cảm đặc trưng như Nhật Bản. Chính tinh thần duy mỹ, duy cảm đã hun đúc và chở che các giá trị văn hóa độc đáo có một không hai trên thế giới này.

Đặc biệt, khởi phát từ truyền thống biết yêu quý và tôn vinh cái đẹp, tâm thức hiện sinh bàng bạc trong văn hóa lẫn văn chương “xứ sở Phù Tang” như một quy luật thường hằng nhằm lưu giữ và lan tỏa các giá trị thẩm mỹ. Chính sự song hành và phát triển cùng với các vẻ đẹp, hiện sinh có thể được xem như một mỹ cảm đặc sắc. Đó là thứ mỹ cảm độc đáo thể hiện ý thức của người Nhật về lẽ tồn vong, được mất và sự suy tư, chiêm nghiệm về bản chất thế giới cái đẹp trong văn hóa Nhật như nó vốn có: ngắn ngủi, vô thường, vật ai và hủy diệt. Mặc dù, xét về mặt lý thuyết, mỹ học truyền thống Nhật Bản vẫn chưa gọi tên hiện sinh như một kiểu mỹ cảm riêng biệt; nhưng nhìn tổng thể về hành trình phát triển của văn hóa và văn học Nhật, thái độ nhìn nhận và khẳng định sự tồn tại của mỹ cảm hiện sinh có ý nghĩa quan trọng trong việc vinh danh một đặc trưng, tính chất tồn tại trong hầu hết cái đẹp truyền thống Nhật Bản.

Xét một cách tương đối, mỹ cảm vừa được xem là nguồn gốc, lại vừa là truyền thống của xứ sở nơi Đại Nhật Linh Quý Thần ngự trị. Ngày nay, nhắc đến văn hóa truyền thống Nhật Bản, không thể không nhắc đến tinh thần mỹ cảm bàng bạc trong mỗi sự vật, hiện tượng với những sắc thái riêng biệt, độc đáo. Cùng với sự du nhập và ảnh hưởng lớn từ văn hóa Tây phương trong thế kỷ XX và XXI, văn hóa Nhật Bản vẫn giữ được những vẻ đẹp truyền thống, thậm chí còn có thể dung hòa giữa yếu tố ngoại lai và yếu tố nội sinh để mở rộng thêm ý nghĩa của những cảm thức văn hóa vốn có. Đây cũng là một trong những tư tưởng lớn của dân tộc Nhật Bản đã giúp cứu rỗi và gìn giữ mọi cái đẹp tồn tại trên đất nước này sau mỗi trận thảm họa của con người và tự nhiên.

2.2. Mỹ cảm hiện sinh – vẻ đẹp của văn chương Nhật Bản

Nhắc đến văn chương Nhật Bản nói chung, đặc biệt là từ thời kỳ Meiji (Minh Trị) đến nay, chắc hẳn độc giả yêu quý “xứ sở hoa anh đào” sẽ dễ dàng nhận ra mỹ cảm hiện sinh bàng bạc trong mỗi tác phẩm và góp phần làm nên phong cách của các nhà thơ, nhà văn. Ngay từ câu chuyện cổ xưa nhất còn sót lại - *Taketori monogatari* (Chuyện ông lão đón tre) đã góp phần dự ước và định hình về một “đất nước Mặt trời mọc” thấm nhuần hương sắc ưu nhã, bàng bạc tâm thức phù du trong văn học. Hình tượng công chúa Kaguya bay về trời khi mãn hạn dương thế với tâm thức tự do, không ràng buộc là một trong những biểu hiện hiện sinh đầu tiên của văn học Nhật Bản, mang ý nghĩa cái đẹp hội quy tự nhiên như quy-luật-vốn-nó-phải-thế. Cuộc trải nghiệm, dần thân ở chốn trần gian của nàng công chúa trong huyền thoại mang biểu trưng khám phá giữa những lựa chọn/dứt bỏ mọi thức cảm con người, vươn đến đời sống lý tưởng đương khi vượt khỏi những thứ phàm tục.

Tương tự với chuyến phiêu du xuống hạ giới của Kaguya, cuộc đời của chàng hoàng tử Hikaru Genji trong *Genji monogatari* (Truyện kể Genji) cũng là hành trình thẩm đắm

mỹ cảm hiện sinh. Được xem là tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của thế giới, *Truyện kể Genji* mang tầm cỡ đồ sộ, thu góp trong nó không biết bao nhiêu chuyển phiên lưu chinh phục người tình, bao nhiêu cuộc hành trình tìm kiếm và tận hưởng cái đẹp chốn hồng trần. Từ *Phần chính* cho đến *Uji thập thiếp*, thế giới mà tác phẩm gọi đến trong lòng độc giả ngập tràn hương sắc mỹ cảm của Hoa đạo, Hương đạo, các sắc phục truyền thống cùng sự hiện diện của hàng trăm mỹ nữ nhân và mỹ nam nhân. Đặc biệt, hòa trong phong vị mỹ cảm của tiểu thuyết là không khí u buồn, nỗi cô đơn và niềm nuối tiếc. Ý thức về tình yêu cái đẹp, Genji cùng tất cả những nam nhân khác đều có ham muốn khẳng định, ưa thích chứng tỏ bản thân trong công việc chinh phục người tình. Cả Genji và sau đó là Kaoru đã trực tiếp dần thân như một niềm đam mê với tâm thức tự do, bất chấp đạo đức. Dưới sự che chở và biện hộ của văn hóa mỹ cảm, các nhân vật dù sống một cuộc đời ong bướm, thậm chí đã có lúc loạn luân nhưng tất cả chỉ hồ thẹn, lo lắng chứ không hề mang mặc cảm tội lỗi như trong tư duy văn hóa phương Tây. Bởi vậy, không gian xuyên suốt của truyện kể bằng bạc phức cảm Genji, niềm bi cảm aware và yếu tố huyền ảo yugen.

Không chỉ trong văn xuôi, thơ ca Nhật Bản từ khởi thủy đã thấm đượm tinh thần mỹ cảm hiện sinh một cách kỳ lạ. Lấy tình yêu làm chủ đề trung tâm, ngay từ những bài thơ đầu tiên được kể lại trong *Kojiki* về cuộc chinh phục công chúa Nunakawa của thần Yachihoko đã cho thấy ý thức về sự tự do và lòng quyết tâm của kẻ đi chinh phục: “*Osoburai/[...]/Hikozurai/[...]/Uretaku*” (Ta xô đẩy mãi/[...]/Ta lay lắc mãi/[...]/Ôi điên dại) [2, tr.17-18] lẫn sự dâng hiến cho tình yêu, hướng đến tận hưởng khoái lạc của kẻ bị chinh phục: “*Ima koso wa/Wadori ni arame/Nochi wa/Nadori ni aran o/Inochiwa/Na shisetamai so./[...]/Shiroki tadamuki/Awayuki no/Wakaru mune o/Sodataki/Tadakimanagari/Matamade/Tamade sashimaki/Momonaga ni/I wa nasan o/Aya ni/Na koikikoshi*” (Em bây giờ vẫn/Là chim bơ vơ/Một mai em sẽ/Bay về với ai/Cuộc đời còn dài/Xin đừng vội vã/[...]/Cánh tay anh quấn quýt/Bờ ngực em như tuyết/Đang tan vào trong anh/Dịu dàng ôm ấp/Đến bao nhiêu lần/Cánh tay ngà đàn kết/Với nhau không rời/Và những đôi chân đuổi/Khi ta nằm thành đôi/Nhưng xin đừng vội/Tình yêu đầu đời) [2, tr.17-18]. Bài thơ giúp chúng ta nhận ra sự ý thức về kiếp sống hiện tồn đã xuất hiện từ rất sớm trong văn học Nhật Bản. Không chỉ vậy, sự ý thức ấy còn được đúc kết thành một trong những cảm thức xuyên suốt của văn chương những thời kỳ sau đó: nỗi sầu bi ai xuất phát từ tâm hồn đa cảm của nghệ sĩ. Hay đến với một trong những bài tanka nổi tiếng của nữ sĩ Izumi Shikibu: “*Fureba yo no/Itodo usa nomi/Shiraruru ni/Kyo no nagame ni/Mizu masaranan*” (Thời gian trôi/Nỗi đau dài dặc/Theo tôi mỗi bước đời/Và hôm nay mưa mãi/Dâng nước ngập hồn tôi.” [2, tr.63]. Với thủ pháp “*kakekotoba*”¹ tinh tế, bài thơ đã thể hiện nỗi lòng sâu kín của chủ thể trữ tình: nỗi đau trải dài theo sự trôi chảy của dòng thời gian vô tình. Đó cũng là niềm riêng thâm kín và cái tình khắc khoải trước thời cuộc của nữ sĩ. Tuy nhiên, nếu như nỗi cô đơn của chủ thể trữ tình trong bài thơ trên chỉ mới bằng bạc trong nỗi đau thì sự ý thức về nỗi cô đơn trong bài thơ sau của Jakuren in trong *Shinkokinshu* (Tân cổ kim tập) đã

¹ Kakekotoba (quái từ): kỹ thuật bắc cầu trong thơ waka, kiểu chơi chữ dựa vào sự đồng âm dị nghĩa và chữ ấy làm thành cái trục hay một cây cầu đứng giữa mệnh đề trước và mệnh đề sau.

được gọi tên một cách rõ ràng: “*Sabishisa wa/Sono iro to shi mo/Nakarikeri/Maki tatsu yama no/Aki no yugure*” (Trong niềm cô đơn/Sắc thu mờ ảo/Cỏ cây âm thầm/Hoàng hôn buồn phủ/Núi đồi xa vắng) [2, tr.132]. Bài thơ man mác một nỗi buồn tịch liêu của *sabi* lẫn không khí thâm u của *yugen*, tạo nên chiều sâu tâm linh trong thức nhận của thi nhân: Đó là sự hòa điệu giữa sắc thu, dáng thu, hồn thu và tình thu. Chính ý thức về sự hiện hữu của cái đẹp nơi trần thế cùng khát vọng muốn tận hưởng cuộc sống của tác giả đã cho thấy sự lan tỏa của mỹ cảm hiện sinh trên khắp bài thơ một cách mềm mại, ngọt ngào như cảnh “*hoàng hôn buồn phủ*”.

Ở khía cạnh khác của mỹ cảm hiện sinh, độc giả còn có thể nhận thấy niềm xót thương về cõi phù thế cùng sự ý thức về tính chất hư vô của cuộc đời và danh vọng qua văn chương hai thời kỳ binh đao Kamamura cùng Muromachi. Dòng văn chương chiến ký đặc trưng của hai chặng đường này với sự xuất hiện của kiệt tác *Heike monogatari* (Truyện kể dòng họ Heike) cùng tập tùy bút *Tsurezuregusa* (Nhân tư) đã viết về sự biệt ly của con người như cảm hứng chủ đạo của văn học Nhật thời kỳ Trung thế. Trong khi *Bình gia vật ngữ* viết về sự hư hao, phù du của quyền binh lẫn chiến công và nỗi cô đơn thường trực từ người chiến thắng đến kẻ chiến bại; thì *Nhân tư* của thiền sư Yoshida Kenko lại thấm đượm tinh thần vô thường của Phật giáo và những thú vui, những rung cảm ưu nhã nơi trần thế.

Tiếp đó, từ nửa sau thế kỷ XVII, cùng với sự phục hưng của văn học dưới thời Edo, tinh thần mỹ cảm hiện sinh bộc lộ rõ qua một số hiện tượng tiêu biểu như thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa hay tiểu thuyết bình dân của Ihara Saikaku. Trước hết, khi nhắc đến thơ ca Nhật Bản không thể không nhắc đến những vần thơ haiku bé nhỏ mà tinh tế, tiết chữ, kiệm lời, cô đọng mà giàu giá trị mỹ cảm. Tâm thức hiện sinh trong haiku thể hiện rất rõ qua sự dụng tâm và chú trọng một cách kỹ lưỡng trong quá trình tận ngắm thiên nhiên và lĩnh hội các sự vật, hiện tượng. Nhờ vậy, các vần thơ hiện lên vô cùng sinh động, được tạo tác bằng cả tâm hồn và sự rung cảm trước cái đẹp của mỗi thi sĩ. Một trong những bài thơ nổi tiếng và đặc biệt nhất gắn liền với những ngày cuối cuộc đời Basho: “*Tabi nayande/yume wa kare no o/kake meguru*” (Nằm bệnh giữa cuộc lãng du/mộng hồn còn phiêu bạt/những cánh đồng hoang vu) cho thấy khát khao được sống, được trải nghiệm hương sắc nơi cõi phù thế, thấm đẫm niềm bi cảm *aware*. Đó cũng là ý thức chung về một kiếp người ngắn ngủi nhưng đẹp đẽ: “*Ku no shaba ya/sakura ga sakeba/saita tote*” (Ta bà một nỗi đau/cho dù mùa xuân đó/đang nở những anh đào). Issa – nhà thơ của những niềm đau đã triết lý như vậy về bản chất đầy mong manh mà khổ ải của sinh mệnh. Cả hai đều sống theo tiếng gọi sâu thẳm của tâm hồn: sống để yêu và theo đuổi cái đẹp trần thế. Cùng với Basho và Issa, Buson – một trong “haiku tứ trụ” cũng đã sống và yêu hết mình mùa xuân của đất trời lẫn mùa xuân của kiếp người. Để rồi khi bước sang ngưỡng kia cuộc đời, ông vẫn thường nghĩ về hoa anh đào: “*Yuku haru ya/shunjun to shite/oso zakura*” (Xuân đang qua/anh đào giã cuối/lá đầy dần hoa). Mùa hoa sắp trôi qua, những cây anh đào “thay áo” bằng lớp lá xanh. Nhưng kia, Buson đang suy tư về một cõi người đẹp như hoa (*hana*) và mong manh, vô thường như mộng (*yume*). Hòa trong ý vị Thiền tông cùng tín ngưỡng Thần đạo, thế giới “chân không” mà haiku mở ra chan chứa mỹ cảm hiện sinh trong lòng

người lẫn lòng vật. Rõ hơn, đó là ý thức về sự hiện diện những đặc tính cơ bản nhất của vạn vật mà các chủ thể trữ tình có thể cảm nhận được: hữu thể, hữu linh, sự sinh sôi bất diệt hay sự giao hoán chuyển vị,... Đó chính là hành trình của cặp đôi: cái đẹp và người đi khám phá, tận hưởng cái đẹp.

Thế rồi, bước qua thời Edo, văn học Nhật chuyển sang thời kỳ Cận đại (từ Minh Trị đến Đại Chính) đã có “cú chuyển mình” hết sức mới mẻ. Dưới sự cải cách, mở cửa và chào đón rầm rộ văn hóa Tây phương, văn chương thời kỳ này chịu ảnh hưởng không ít từ các nền văn học Âu châu. Nhiều nhà văn, nhà thơ đã có công lớn trong việc dịch thuật và sáng tác theo những phong cách văn học hiện đại. Bốn nhà văn lớn của thời kỳ này là Futabatei Simei, Mori Ogai, Natsume Soseki, Toson Simazaki và Kafu Nagai đều chịu sự ảnh hưởng rất lớn của bốn nền văn học: Nga, Đức, Anh, Pháp và Hoa Kỳ. Chính những ảnh hưởng này đã khiến cho văn chương của họ mang màu sắc mới lạ, đa dạng hơn, hướng sự quan tâm chủ yếu đến trải nghiệm con người cùng ý thức về nỗi bất mãn, hoang mang trước thời cuộc. Đồng thời, tự mỗi nhà văn luôn cố gắng tìm hướng đi mới trong việc tổ chức cốt truyện, xây dựng nhân vật, cũng như thể nghiệm các chủ đề là những mối quan tâm lớn của xã hội đương thời. Bởi vậy, tiểu thuyết của Futabatei Simei thường mang đặc tính tự thuật, bàng bạc nỗi âu lo, yếm thế trước xã hội đầy biến động. Trong khi đó, văn chương của Mori Ogai lại tỏ rõ khuynh hướng muốn đấu tranh cho sự tự do cá nhân, ý thức về thân phận của “kẻ bên lề” hay cam chịu. Còn với Natsume Soseki, tiểu thuyết của ông đông đầy nỗi cô đơn, sự va vấp và tinh thần tự nhiệm của mỗi người. Hay với Toson Simazaki, văn chương của ông mon man nỗi bi quan cùng vẻ u sầu về những xung đột của thời cuộc. Nhất là từ cuối chặng đường Minh Trị trở đi, cùng với truyền thống duy tình, duy mỹ trong văn hóa Nhật, mỹ cảm hiện sinh đã trở nên sống động hơn rất nhiều khi các nhà văn lớn như Tanizaki Junichiro, Akutagawa Ryunosuke, Siga Naoya, Yokomitsu Riichi hay Kawabata Yasunari đều thể hiện rõ ý thức trong việc miêu tả, phân tích tâm lý con người, chú ý khắc họa những cuộc trải nghiệm, ca ngợi việc tận hưởng những cảm giác mới, thường xoáy sâu vào xung đột nội tâm của nhân vật về các vấn đề Đông Tây kim cổ,...

Đặc biệt, từ sau năm 1945, chính bối cảnh hậu chiến cùng những mất mát và đau thương quá lớn trong đời sống xã hội đã khiến văn học Nhật Bản thấm đẫm tinh thần mỹ cảm hiện sinh một cách rõ nét. Nhiều nhà văn nổi tiếng đương thời đã trở thành những hiện thân cho thế hệ sống, trải nghiệm và viết qua cuộc thế chiến thứ hai như: Masuji Ibuse (1898-1993), Fumiko Hayashi (1904-1951), Yasushi Inoue (1907-1991), Dazai Osamu (1909-1948), Kobo Abe (1924-1993), Mishima Yukio (1925-1970), hay Oe Kenzaburo (1935),... Ý thức về một thực tại đổ vỡ niềm tin, con người dần trở nên hỗn loạn, hoang mang, lo sợ, bi quan và bất tín trước sự tan vỡ của các lý tưởng truyền thống và giá trị đạo đức xã hội. Đó vừa là hoàn cảnh chung, vừa là cảm hứng xuyên suốt của văn học giai đoạn này. Bởi vậy, độc giả thường bắt gặp trong tiểu thuyết của Yasushi Inoue nỗi cô đơn và sự ý thức về kiếp sống hư vô của con người. Trong khi đó, kiểu nhân vật mà Dazai Osamu miêu tả lại có nhiều hành vi nổi loạn và thái độ chống chế, cuối cùng cái chết được đề cập như một sự giải thoát những bế tắc. Còn với Mishima Yukio và Kawabata Yasunari, truyền thống trong quá khứ đã trở thành niềm

hứng thú bất tuyệt, là tiếng gọi của những trái tim đa sầu đa cảm. Đặc biệt, cả Kobo Abe và Oe Kenzaburo đều chịu ảnh hưởng bởi các tư tưởng của triết học hiện sinh nên những chủ đề họ thường đề cập là sự tha hóa, phi lý và sự cố gắng tự thể hiện mình của con người trong xã hội Nhật Bản hiện đại.

Cuối cùng, bước sang nền văn học Nhật Bản đương đại, tinh thần mỹ cảm hiện sinh dù đã vơi bớt đi phần nào yếu tố mỹ cảm, bởi cái đẹp giờ đây không còn là cảm hứng chính của các tác giả. Thay vào đó, cảm thức hiện sinh được thể hiện trong các tác phẩm một cách rộng rãi và gần gũi với những đặc điểm, đặc trưng của chủ nghĩa hiện sinh. Tiếp cận và thể nghiệm lối sống hiện đại, chịu ảnh hưởng khá lớn từ các trào lưu, khuynh hướng sáng tác của phương Tây trong khi vẫn ý thức giữ gìn cốt cách dân tộc, nhiều tên tuổi lớn như Murakami Haruki (1949), Natsuo Kirino (1951), Murakami Ryu (1952), Keigo Higashino (1958) hay Banana Yoshimoto (1964),... đã không ngừng khẳng định tên tuổi và để lại dấu ấn đặc sắc trong dòng chảy văn chương hiện sinh Nhật Bản.

Khó có nền văn học nào có tinh thần hiện sinh phát triển mạnh mẽ, xuyên suốt trong chiều dài lịch sử và gắn bó mật thiết với tư duy cái đẹp như “xứ sở hoa anh đào”. Mỹ cảm hiện sinh được gọi tên như để lần nữa khẳng định về một phức cảm văn hóa – văn chương độc đáo, đặc biệt của riêng Nhật Bản. Dấu hành trình của thứ mỹ cảm lạ mà quen ấy có lúc hưng thịnh, đậm đà phong vị truyền thống (từ thời kỳ Edo trở về trước); có lúc được hồi cố, dung hòa giữa yếu tố Đông-Tây (thời kỳ Minh Trị đến Đại Chính); cũng có lúc nhẹ nhàng mà hư hao trong thời kỳ đương đại nhưng tựu chung tinh thần này luôn tồn tại và phát tiết không bao giờ ngừng.

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, mỹ cảm hiện sinh đã trở thành vẻ đẹp đặc trưng của văn hóa lẫn văn chương Nhật Bản. Xuất phát từ tình yêu và sự tôn thờ cái đẹp, tinh thần mỹ cảm được ánh xạ vào văn chương và hòa trong tâm thức hiện sinh đã dần trở thành một trong những phạm trù triết học liên ngành rất độc đáo, đặc trưng của riêng nền văn học này. Dù đây không phải là thuật ngữ chính thức trong hệ thống lý thuyết mỹ học Nhật Bản nhưng nhìn nhận một cách tương đối, đó là sự giao thoa liên ngành giữa triết học hiện sinh và mỹ học truyền thống. Việc nghiên cứu mỹ cảm hiện sinh từ văn hóa đến văn học Nhật Bản không chỉ giúp người đọc giải mã những tầng lớp ý nghĩa tiềm ẩn của các hình tượng, biểu tượng để từ đó thấy được vẻ đẹp hiện sinh của mỗi tác phẩm; mà còn giúp người đọc hiểu rõ phong cách tác giả nói riêng và phong cách văn chương - văn hóa Nhật nói chung. Đặc biệt, khám phá mỹ cảm hiện sinh còn giúp chúng ta nhìn nhận một cách sâu sắc về việc cảm thụ cái đẹp Nhật Bản một cách đa chiều, trong sự dung hòa nhất thể với vạn vật, ngay trong kiếp sống ưu buồn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhật Chiêu (1998). *Thơ ca Nhật Bản*, NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2] Nhật Chiêu (2015). *Ba nghìn thế giới thom*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Cao Xuân Hạo (2001). *Tiếng Việt, Văn Việt, Người Việt*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

- [4] Văn Hiến (2019). *Mỹ cảm 'aware' và một số quan niệm thẩm mỹ đương đại Nhật Bản*, 01/01/2019, baomoi.com.
- [5] Nguyễn Phương Khánh (2018). *Mỹ học truyền thống Nhật Bản từ góc nhìn văn hóa*, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng*, số 10.
- [6] Suzuki Setsuko (chủ biên) (2011). *Những khái niệm then chốt của mỹ học Nhật Bản*, Hoàng Long dịch, 19/01/2011, www.tienve.org.
- [7] Nguyễn Nam Trân (2011). *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Title: THE SENSIBILITY OF EXISTENTIAL BEAUTY – FROM CULTURE TO LITERATURE OF JAPAN

Abstract: In Japanese culture in general and Japanese literature in particular, the existential is not only seen to be the shape of sensibility belongs to existentialism but also the original and specific the sense of beauty. As being aware of the existing of human deeply, Japanese literature is imbrued with elegant spirit. By the origin of culture of the beauty, the sensibility of existential beauty was being and expanding step by step to the long-standing characteristic of the literature from cherry blossom's country.

Keywords: The sensibility of existential beauty, Japanese culture, Japanese literature.